

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê
ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển
Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình
số 705/TTr-CTK ngày 12 tháng 10 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung công việc được phân công theo Kế hoạch này; định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể và các đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thống kê;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số: 2840 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112					
1.1.2.3	Xây dựng Quyết định ban hành Hệ thống báo cáo các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	01123	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh; các Sở, Ban, ngành		2022	Quyết định của UBND tỉnh quy định hệ thống báo cáo các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.1.3	Xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê	0113	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê được ban hành
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.2	Kiến toàn mô hình tổ chức theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0122					
1.2.2.1	Xây dựng Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức khi tổ chức sắp xếp các đơn vị	01221	Cục Thống kê tỉnh	Chi cục Thống kê cấp huyện	2022	2025	Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn nhân sự
1.2.2.2	Xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức và người lao động	01222	Cục Thống kê tỉnh	Chi cục Thống kê cấp huyện	2022	2025	Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương
1.2.2.3	Triển khai thực hiện Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương	01223	Cục Thống kê tỉnh	Chi cục Thống kê cấp huyện	2022	2025	Kết quả thực hiện Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương của các đơn vị triển khai thực hiện theo Quyết định của Tổng cục trưởng
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao; - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước.
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn	0133	UBND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn (chủ yếu cán bộ Văn phòng - Thống kê cấp xã)
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố	0145					
1.4.5.1	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, 5 năm	01451	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh		Hằng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm, 5 năm
1.4.5.2	Củng cố và tăng cường nhân lực làm công tác thống kê các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; thống kê xã, phường, thị trấn	01452	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hằng năm	Văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của nhân lực làm công tác thống kê các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; thống kê xã, phường, thị trấn
1.4.5.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, Sở ban ngành	01453	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh, các đơn vị liên quan	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Đối tượng, số lượng học viên tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.4	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho người làm công tác thống kê ở huyện, thị xã, thành phố	01454	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh, các đơn vị liên quan	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Đối tượng, số lượng học viên tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.
1.4.5.5	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho người làm công tác thống kê ở xã, phường, thị trấn	01455	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh, các đơn vị liên quan	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Đối tượng, số lượng học viên tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.
1.4.5.6	Cử công chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê do Tổng cục Thống kê tổ chức	01456	Cục Thống kê tỉnh	Các đơn vị liên quan		hàng năm	- Số lượng lớp bồi dưỡng; - Đối tượng, số lượng công chức được bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê.
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê (bao gồm tập huấn, phổ biến, thực hiện)	0223	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.3	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê	023					
2.3.1	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã	0231	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2030	Quy trình xử lý, tổng hợp, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					
2.4.1	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.4.2	Rà soát, đề xuất các điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	2030	Văn bản đề xuất điều chỉnh, bổ sung
2.5	Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	025					
2.5.2	Áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	0252	Cục Thống kê tỉnh		2027	2030	Mô hình thống kê hiện đại được áp dụng
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê; - Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê Sở, ngành	03121	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Sổ chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Sổ chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.2.3	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03123	Cục Thống kê tỉnh		2022	2030	Hệ thống xử lý thông tin
3.1.3	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	0313	Cục Thống kê tỉnh		2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.2	Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu	032					
3.2.1	Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở	0321					
3.2.1.1	Nghiên cứu áp dụng mô hình, công nghệ quản trị dữ liệu tập trung	03211	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2030	Hệ thống quản trị dữ liệu hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.1.2	Hệ thống hoá số liệu thống kê kinh tế - xã hội giai đoạn 1997-2022, cập nhập những năm tiếp theo	03212	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2030	Cung cấp thông tin, số liệu thống kê định kỳ phục vụ lãnh đạo điều hành và tra cứu của người dùng tin.
3.2.2	Xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0322					
3.2.2.1	Khảo sát tại Sở, Ban, ngành	03221	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		2022	Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê
3.2.2.2	Góp ý Dự thảo đề cương và Đề án	03222	Cục Thống kê tỉnh			2022	Văn bản góp ý
3.2.2.3	Tích hợp các nguồn dữ liệu	03223	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	API nhận dữ liệu
3.2.2.4	Chia sẻ dữ liệu thống kê	03224	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	API chia sẻ dữ liệu
3.2.2.5	Xây dựng các quy chế quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu thống kê	03225	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2024	2024	Quy chế quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu thống kê
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống	041					
4.1.1	Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng và nhu cầu của người dùng tin	0411	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2030	Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng và nhu cầu của người dùng tin
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.2.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích dự báo	0423	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.1	Rà soát Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã, rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm;	04311	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.1.2	Tăng cường việc biên soạn các chỉ tiêu về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm trong các báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; các ấn phẩm chuyên đề thông tin thống kê	04312	Cục Thống kê; Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.1.3	Chuyển đổi năm gốc để biên soạn các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh	04313	Cục Thống kê tỉnh		2023	2027	Bảng số liệu chuyển đổi hệ thống chỉ số giá năm gốc 2010 sang năm gốc 2020
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432					
4.3.2.1	Chuẩn hóa maket của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào trên hệ thống thông tin kinh tế xã hội của tỉnh (LRIS)	04321	Sở KH&ĐT; Cục Thống kê	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Thông tin thống kê trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS)

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2.4	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê tại tỉnh	04324	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh; Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	- Số lượng maket số liệu kinh tế-xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử ...
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441					
4.4.1.1	Biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm, thay thế cho nội dung thông tin thống kê cần phổ biến	04411	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Thông tin thống kê cần phổ biến
4.4.1.2	Bổ sung thêm thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm để đa dạng nội dung phổ biến thông tin thống kê	04412	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm cần phổ biến

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.3	Công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê qua ứng dụng Smart QuangNam	04413	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Cung cấp và phổ biến thông tin thống kê qua ứng dụng SmartQuangNam
4.4.1.4	Sử dụng mạng xã hội, phương tiện truyền thông, trang web để phổ biến thông tin thống kê	04414	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Thông tin thống kê được phổ biến bằng hình thức mới qua tổng đài 1022 (Zalo OA: 1022 Quảng Nam...)
4.4.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh	04415	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn
4.4.1.6	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm	04416	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.7	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của cơ quan thống kê trong hệ thống thống kê tập trung	04417	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	2030	Website của cơ quan thống kê trong hệ thống thống kê tập trung được xây dựng, cập nhật
4.5	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	045					
4.5.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0451	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử.
4.5.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04511	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn
4.5.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình	04512	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.1.3	Tổ chức tuyên truyền trên các ấn phẩm thống kê và các hình thức, phương tiện khác	04513	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số lượng Sổ tay, tài liệu, ấn phẩm; số buổi họp báo chuyên đề
4.5.1.4	Tổ chức tuyên truyền về ngày Thống kê Việt Nam (ngày 06/5)	04514	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Số bài viết tuyên truyền về ngày Thống kê Việt Nam
4.5.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0452	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Tuyên truyền qua tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội (1022 Quang Nam)
4.5.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0453	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Số lần tương tác; Ý kiến phản hồi qua ứng dụng SmartQuangNam; website Cục Thống kê
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê
5.1.2	Thực hiện các công việc thuộc Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2030	Kết quả thực hiện thuộc Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					
5.2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số	0521					
5.2.1.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	05211	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1.2	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm an toàn, an ninh mạng	05212	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Hệ thống hạ tầng CNTT
5.2.3	Chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành	0523					
5.2.3.1	Tăng cường sử dụng các phần mềm phục vụ quản lý, điều hành	05231	Cục Thống kê tỉnh	Chi cục Thống kê	2022	2030	Phần mềm quản lý công việc, quản lý cuộc họp, quản lý tài liệu, danh bạ điện thoại điện tử, được nâng cấp, hoàn thiện; kết nối với phần mềm quản lý văn bản (liên thông)
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053					
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2030	Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa;
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	07					
7.1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học	071					
7.1.1	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến	0711					
7.1.1.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình thu thập dữ liệu hành chính	07111	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2022	2025	Ban hành quy trình thu thập dữ liệu hành chính và tài liệu hướng dẫn
7.1.1.2	Nghiên cứu phương pháp thanh tra hoạt động điều tra thống kê	07112	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2023	2024	Ban hành phương pháp thanh tra hoạt động điều tra thống kê
7.1.1.3	Nghiên cứu xây dựng mô hình truyền thông tiên tiến, hiện đại nâng cao vai trò, vị thế ngành Thống kê	07113	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	2024	2030	Ban hành mô hình truyền thông
8	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	08					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	081					
8.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	Cục Thống kê tỉnh	Đơn vị, cá nhân liên quan		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Kết luận thanh tra.
8.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0812	Cục Thống kê tỉnh	Đơn vị, cá nhân liên quan		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.1.3	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0813	Cục Thống kê tỉnh	Đơn vị, cá nhân liên quan		Hàng năm	Báo cáo kết quả giám sát
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082					
8.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp tỉnh	0822	Cục Thống kê tỉnh	Sở, Ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp huyện	0823	Cục Thống kê tỉnh	UBND cấp huyện	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2.4	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0824	Cục Thống kê tỉnh	UBND cấp huyện, cấp xã	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.1.3	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0913	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0921	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được Hệ thống thống kê tập trung phê duyệt
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0922	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung được phân bổ
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt
9.3.2	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung được phê duyệt
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	- Phương tiện và trang thiết bị làm việc của Hệ thống thống kê tập trung được tăng cường; - Kế hoạch phân bổ (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng).
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30						

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược Thông kê tỉnh Quảng Nam	1012	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược tỉnh Quảng Nam (QĐ: 2154)
10.1.2.1	Thành lập Tổ giúp việc thực hiện CLTK21-30	10121	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Tháng 10/2022	Quyết định thành lập Tổ giúp việc thực hiện CLTK21-30 tỉnh Quảng Nam
10.1.2.2	Kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện chiến lược cấp tỉnh	10122	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Hàng năm	Văn bản (khi có thay đổi nhân sự)
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	1022					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.2.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	10221	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		Tháng 8/2022;	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được ban hành
10.2.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh	10222	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh được cập nhật
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	103					
10.3.3	Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược do UBND tỉnh chủ trì	1033	UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Tháng 11/2022	01 Hội nghị do UBND tỉnh chủ trì
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	UBND tỉnh, Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	UBND tỉnh, Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của địa phương (Từ tháng 9-12/2025)

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	UBND tỉnh; Cục Thống kê tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ tháng 7-10/2030)